

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện các chính sách về huy động và sử dụng nguồn lực trong chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới

Thực hiện Công văn số 1208/SKHĐT-TH ngày 21/5/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát, báo cáo tình hình thực hiện các chính sách về huy động và sử dụng nguồn lực trong xây dựng NTM, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Đánh giá khái quát về tình hình, kết quả, hiệu quả thực hiện chính sách đầu tư giai đoạn 2016-2020: Thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới, sau 8 năm triển khai thực hiện, huyện Nghi Xuân đã đạt được kết quả nổi bật, kết cấu hạ tầng thiết yếu được tăng cường, từng bước theo hướng hiện đại; lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế, môi trường có chuyển biến tích cực; hệ thống chính trị được củng cố; an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội được giữ vững; Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu được xây dựng tạo diện mạo mới, khời sắc ở nhiều địa phương. So với giai đoạn 2010-2015 đã đạt được những bước tiến vượt bậc.

- Tổng số vốn huy động thực hiện Chương trình, từ các nguồn: 1.772.564 triệu đồng, trong đó

+ Nguồn vốn ngân sách nhà nước (*Trung ương và địa phương bao gồm: vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp*); 790.609 triệu đồng

+ Vốn tín dụng: 581.658 triệu đồng

+ Vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã và các loại hình kinh tế khác: 123.877 triệu đồng

+ Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư: 276.420 triệu đồng

- Tình hình nợ đọng, xử lý nợ đọng XDCB của chương trình MTQG trên địa bàn: Huyện đã tập trung cao trong xử lý nợ XDCB thuộc Chương trình nông thôn mới, đề ra nhiều giải pháp như: Tập trung đầu tư hạ tầng quỹ đất để tạo nguồn, trích lại 80% phân thu từ đấu giá quyền sử dụng đất cho các xã xây dựng nông thôn mới, tiền thuê đất, mặt nước để lại cho xã hưởng 100%; Chỉ đạo các xã ưu tiên bố trí vốn để thanh toán nợ XDCB xong mới được bố trí vốn cho các dự án khởi công mới; chỉ khởi công công trình mới sau khi thanh toán hết số nợ

XDCB; thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công, đảm bảo huy động cơ bản đủ các nguồn vốn mới triển khai khởi công các công trình; tăng cường thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù để giảm chi phí trung gian, gắn trách nhiệm người đứng đầu với việc giảm tỷ lệ nợ XDCB. Đến thời điểm 2018 không còn nợ đọng xây dựng cơ bản trên địa bàn.

- Kết quả thực hiện chương trình đến thời gian báo cáo: Đến thời điểm báo cáo huyện đã về đích nông thôn mới trước 2 năm, đang trong quá trình phấn đấu huyện nông thôn mới kiểu mẫu điển hình về văn hóa

2. Khái quát về tồn tại, hạn chế, kiến nghị:

- Về phát triển sản xuất, quy mô sản xuất chưa lớn, còn thiếu liên kết với doanh nghiệp; năng lực sản xuất và chất lượng hàng hóa còn thấp, tính cạnh tranh chưa cao; chưa khai thác hết lợi thế phát triển sản xuất của từng địa phương; các mô hình sản xuất công nghệ cao chậm được nhân rộng; Hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường cho các sản phẩm chủ lực chưa xứng tầm với tiềm năng.

- Một số tiềm năng, lợi thế của huyện chưa được phát huy hiệu quả tối đa để nâng cao thu nhập cho người dân (như: thương mại, du lịch - dịch vụ);

- Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn mặc dù đã được quan tâm đầu tư nâng cấp, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng nhu cầu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Một số dự án đã được chấp thuận đầu tư nhưng triển khai chậm.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH

1. Tình hình thực hiện các quy định về đầu tư trong Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (bao gồm cả Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017):

a) Kết quả đạt được

- Tình hình ban hành, thực hiện các chính sách, hướng dẫn bổ sung của địa phương: Địa phương dựa trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ, tỉnh để trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM

- Đánh giá tính hợp lí, hiệu quả của chính sách:

+ Về cơ chế phân bổ nguồn vốn: Cấp tỉnh phân bổ nguồn vốn cho huyện theo từng xã, sau đó huyện cấp về xã và xã tự quyết định phân bổ cho các công trình trên cơ sở hướng dẫn của tỉnh và VP NTM huyện;

+ Cơ chế quản lý tài chính và giám sát việc phân bổ, sử dụng các nguồn lực ở các cấp: Việc phân bổ nguồn vốn cấp trên được giám sát chặt chẽ thông qua Văn phòng điều phối thực hiện Chương trình MTQG NTM và phòng Tài chính – Kế hoạch

+ Cơ chế hỗ trợ, nội dung hỗ trợ: Đảm bảo theo Luật đầu tư công, phân bổ kinh phí theo các thứ tự ưu tiên theo quy định:

+ Kinh phí duy tu, bảo dưỡng và vận hành các công trình sau đầu tư: Chủ yếu lấy ngân sách địa phương để duy tu bảo dưỡng và vận hành

+ Cơ chế phân cấp, trao quyền (tỷ lệ số vốn do cấp xã, huyện, tỉnh làm chủ đầu tư): Thực hiện theo Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND tỉnh

2. Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 2/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc CTMTQG giai đoạn 2016-2020 (bao gồm cả nội dung sửa đổi tại Nghị định số 120/2018/NĐ-CP):

a) Kết quả đạt được

- Tình hình ban hành, thực hiện các chính sách, hướng dẫn bổ sung của địa phương: Thực hiện theo các hướng dẫn của các Bộ, tỉnh....

- Đánh giá tính hợp lý, hiệu quả của chính sách: Việc thực hiện cơ chế đặc thù sẽ tiết kiệm được chi phí thiết kế và một số chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

b) Tồn tại, hạn chế, khó khăn, kiến nghị: Việc áp dụng cơ chế đặc thù tạo điều kiện cho địa phương hoàn thiện nhanh hơn các thủ tục hồ sơ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư, thủ tục về lựa chọn nhà thầu tuy nhiên không thể áp dụng đại trà do trình độ quản lý đầu tư xây dựng cấp xã còn yếu dẫn đến lúng túng trong quá trình thực hiện. Việc bố trí ngân sách muợn do vậy việc bố trí vốn không đảm bảo theo các quy định của Luật đầu tư công.

3. Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020: Do UBND tỉnh thực hiện việc phân bổ nguồn vốn về cho các địa phương.

4. Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/2/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các Chương trình MTQG:

a) Kết quả đạt được

- Tình hình ban hành, thực hiện các chính sách, hướng dẫn bổ sung của địa phương: Địa phương thực hiện trên cơ sở hướng dẫn của Bộ, tỉnh.

- Kết quả thực hiện chính sách: Được thực hiện lồng ghép vào Báo cáo kinh tế xã hội hàng năm tuy nhiên sự tham gia của cộng đồng vào quá trình lập kế hoạch đầu tư công cấp xã chưa nhiều.

5. Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Nghị định số 210/2013/NĐ-CP; số 57/2018/NĐ-CP)

a) Kết quả đạt được:

- Vai trò của doanh nghiệp trong xây dựng nông thôn mới:

Với việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn sẽ làm thay đổi cơ cấu sản xuất và tư duy phát triển nông nghiệp vào vùng nông

thôn, giúp giải quyết việc làm cho nhiều lao động địa phương với thu nhập ổn định; liên kết với người dân sản xuất nông nghiệp gắn với chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân; bao tiêu nông sản, tham gia tích cực phát triển chuỗi giá trị, khai thác tốt hơn và nâng cao giá trị thặng dư gia tăng cho nông sản... tạo tiền đề cho việc thúc đẩy tích tụ ruộng đất, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tạo nên đội ngũ nông dân lao động công nghiệp. Tuy nhiên, đến thời điểm nay các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp trên địa bàn huyện còn hạn chế, chưa phát huy hiệu quả cao, nhiều dự án chậm triển khai thực hiện xây dựng và đầu tư.

- Tình hình ban hành, thực hiện các chính sách, hướng dẫn bổ sung của địa phương: UBND huyện Nghi Xuân đã triển khai thực hiện rà soát, xây dựng, đề xuất danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2018 – 2022 theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ và có đề xuất UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư danh mục các dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư tại Văn bản số 685/UBND-TCKH ngày 14/5/2019.

- Kết quả thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn:

+ Số dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư: 09.

+ Tổng số vốn đầu tư dự kiến: 971.376.000.000 đồng.

+ Kết quả hoạt động của các dự án: Các dự án hiện nay đang hoạt động hiệu quả đạt được chưa cao, một số dự án đang thực hiện hồ sơ thủ tục để triển khai dự án. Điển hình có một dự án sản xuất tôm giống tại xã Cương Gián của Công ty Cổ phần Thủy sản Thông Thuận – Hà Tĩnh hoạt động có hiệu quả, cung cấp con giống cho nhiều tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

b) Tồn tại hạn chế:

Mặc dù, đã có nhiều chính sách được ban hành từ Trung ương tới địa phương nhưng các doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm, chú trọng đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.

Trên đây là tình hình thực hiện các chính sách về huy động và sử dụng nguồn lực trong xây dựng NTM, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo tỉnh./.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VP, TCKH.

Gửi Văn bản điện tử.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Nam



KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Báo cáo số 202/BC-UBND ngày 31/5/2019 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn huy động	Giai đoạn 2010-2015	Giai đoạn 2016-2020					Dự kiến 2020	Dự kiến nhu cầu 2021-2025
			Tổng số	2016	2017	2018	2019		
A.	Huy động và bố trí vốn	982.397	1.772.564	450.455	621.263	508.769	30.077	162.000	1.851.348
1.	Ngân sách nhà nước	475.095	790.609	130.433	288.739	291.360	30.077	50.000	820.296
1.1.	Vốn đầu tư phát triển	443.859	734.752	119.542	277.733	270.771	26.207	40.500	761.646
	Ngân sách Trung ương	274.977	239.981	48.597	74.657	87.395	13.832	15.500	251.980
	- Ngân sách bố trí trực tiếp của NTM	36.569	91.338	12.791	36.820	12.395	13.832	15.500	95.905
	- Vốn lồng ghép (giảm nghèo, hỗ trợ có mục tiêu ...)	238.408	173.643	35.806	37.837	75.000		25.000	182.325
	Ngân sách địa phương	168.882	494.771	70.945	203.076	183.376	12.375	25.000	509.666
	- Ngân sách bố trí trực tiếp	153.804	402.754	63.961	157.043	154.376	12.375	15.000	413.048
	- Vốn lồng ghép	15078	92.017	6.984	46.033	29.000		10.000	96.618
1.2.	Vốn sự nghiệp	31.236	55.857	10.891	11.006	20.589	3.870	9.500	58.649
	Ngân sách Trung ương	9.264	12.731	1.754	0	3.107	3.870	4.000	13.368
	Ngân sách địa phương	21.972	43.126	9.137	11.006	17.482		5.500	45.282
2	Vốn tín dụng	342.394	581.658	250.000	211.658	85.000		35.000	610.741
3.	Vốn doanh nghiệp, hợp tác xã	24.383	123.877	20.250	57.750	25.877		20.000	130.071
4.	Vốn huy động từ cộng đồng dân cư	140.525	276.420	49.772	63.116	106.532	0	57.000	290.241
	- Quy đổi từ hiến đất, hiến vật	14.956	57.440	4.547	7.993	27.900		17.000	60.312
	- Quy đổi từ ngày công lao động	24.148	100.762	22.480	26.509	39.773		12.000	105.800
	- Góp bằng tiền	101.421	118.218	22.745	28.614	38.859		28.000	124.129
5.	Tổng (1+2+3+4)	982.397	1.772.564	450.455	621.263	508.769	30.077	162.000	1.296.400
B	Nợ động xây dựng cơ bản (2)			43.013	20.798	0	0	0	0
1.	Nguồn vốn NSTW			0	0	0	0	0	0
2.	Nguồn vốn NSDP			43.013	20.798	0	0	0	0